

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 06/LONG HẢI/2018

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LONG HẢI

Địa chỉ: Cụm CN I, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203 610 234

Fax: 02203 610 233

E-mail: contact@thachlonghai.com.vn

Website: thachlonghai.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0800236558

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 136/2016/ATTP-CNĐK cấp ngày 17/8/2016, nơi cấp: Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm tỉnh Hải Dương

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Thạch rau câu phong cách Nhật Bản Kimiko**

**2. Thành phần:**

Nước tinh lọc, đường mía, đường glucoza, bột rong biển Carrageenan – 407 (khoảng 0,3 % khối lượng), chất làm dày (415, 425), chất điều chỉnh độ axit (330, 331iii), chất bảo quản 202, tinh bột vòng 459, chất ổn định 452i, đường tổng hợp (950, 951), muối ăn, chất chống tạo bọt 1521, chất tạo hương nền 637, hương quả tổng hợp (hương xoài, hương đào, hương dứa, hương dưa, hương dâu, hương cam, chanh leo), màu thực phẩm tổng hợp (102, 110, 124, 133).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng**

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Trên nhãn sản phẩm: 18 g/túi

- Trên túi chứa đựng: 216 g (12 túi x 18 g/túi), 450 g (25 túi x 18 g/ túi), 900 g (50 túi x 18 g/túi), 990 g (55 túi x 18 g/túi).

- Trên vỏ thùng: 20 túi x 216 g/túi, 12 túi x 450 g/ túi, 8 túi x 900 g/ túi, 8 túi x 990 g/ túi.

- Chất liệu bao bì: màng tem được sản xuất từ nhựa PE dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu theo QCVN 12-1: 2011/BYT.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Công ty TNHH Long Hải - Cụm CN I, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem file đính kèm phụ lục 1)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Công ty TNHH Long Hải sản xuất, kinh doanh sản phẩm Thạch rau câu phong cách Nhật Bản Kimiko đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT - Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm;

- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại trong thực phẩm;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hải Dương, ngày 6 tháng 09 năm 2021

**CÔNG TY TNHH LONG HẢI**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN THỊ KHÁNH THIỆN**



## PHỤ LỤC 1:

### Nội dung ghi nhãn sản phẩm Thạch rau câu phong cách Nhật Bản Kimiko

#### 1. Tên sản phẩm: Thạch rau câu phong cách Nhật Bản Kimiko

#### 2. Thành phần cấu tạo:

Nước tinh lọc, đường mía, đường glucoza, bột rong biển Carrageenan – 407 (khoảng 0,3 % khối lượng), chất làm dày (415, 425), chất điều chỉnh độ axit (330, 331iii), chất bảo quản 202, tinh bột vòng 459, chất ổn định 452i, đường tổng hợp (950, 951), muối ăn, chất chống tạo bọt 1521, chất tạo hương nền 637, hương quả tổng hợp (hương xoài, hương đào, hương dứa, hương dưa, hương dâu, hương cam, Chanh leo), màu thực phẩm tổng hợp (102, 110, 124,133).

#### 3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

| TT | TÊN CHỈ TIÊU           | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC CÔNG BỐ |
|----|------------------------|-------------|-------------|
| 1  | Năng lượng             | Kcal/100 g  | ≥ 50        |
| 2  | Hàm lượng Carbohydrate | g/100 g     | ≥ 16        |
| 3  | Đường tổng             | g/100 g     | ≥ 14        |
| 4  | Hàm lượng chất béo     | g/100 g     | ≤ 0,2       |

#### 4. Khối lượng tịnh:

- Trên nhãn sản phẩm: 18 g/túi
- Trên túi chứa đựng: 216 g (12 túi x 18 g/túi), 450 g (25 túi x 18 g/ túi), 720 g (40 túi x 18 g/túi), 900 g (50 túi x 18 g/túi), 990 g (55 túi x 18 g/túi).
- Trên vỏ thùng: 20 túi x 216 g/túi, 12 túi x 450 g/ túi, 8 túi x 720 g/ túi, 8 túi x 900 g/ túi, 8 túi x 990 g/ túi.

#### 5. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: (in trên tem nhãn chứa đựng sản phẩm)

#### 6. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Ăn ngay, ngon hơn khi để lạnh.
- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Chỉ sử dụng khi túi còn nguyên vẹn. Nhai kỹ trước khi nuốt.
- Sản phẩm thích hợp cho mọi đối tượng, trẻ em dưới 2 tuổi cần có người lớn kiểm soát khi sử dụng sản phẩm.

#### 7. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH LONG HẢI.

Địa chỉ: Cụm CN I, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203 610 234

Fax: 02203 610 233

Website: thachlonghai.com.vn

Email: [contact@thachlonghai.com.vn](mailto:contact@thachlonghai.com.vn)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN THỊ KHÁNH THIÊN

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 153-1 /Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Thạch rau câu phong cách Nhật Bản Kimiko

Mã số/Code: 1121153-1

Số lượng mẫu/Quantity: 01 mẫu

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu được đóng thành từng túi nhỏ, bảo quản ở nhiệt độ phòng.  
.NSX 05/11/2021/ HSD :05/11/2022

Người/Đơn vị gửi mẫu/Customer: Công ty TNHH Long Hải

Địa chỉ/ Add: Cụm CN I - Xã Gia Xuyên - TP Hải Dương - Tỉnh Hải Dương - Việt Nam.

Ngày gửi mẫu/Date of receiving : 16/11/2021

Thời gian kiểm nghiệm/ Testing time: Từ 16/11/2022 đến ngày 25/11/2021

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

| TT | Chỉ tiêu(Specification)                       | Đơn vị (Unit) | Phương pháp (Test method)    | Kết quả (Result) |
|----|-----------------------------------------------|---------------|------------------------------|------------------|
| 1  | Định lượng nấm men - nấm mốc *                | CFU/g         | TCVN 8275-1:2010             | KPH              |
| 2  | E.coli dương tính $\beta$ -glucuronidaza*     | CFU/g         | TCVN 7924-2:2008             | KPH              |
| 3  | Định lượng <i>Staphylococcus.aureus</i> *     | CFU/g         | TCVN 4830-1:2005             | KPH              |
| 4  | Định lượng <i>Clostridium perfringens</i>     | CFU/g         | TCVN 4991:2005               | KPH              |
| 5  | <i>Clostridium botulinum</i> ( <sup>e</sup> ) | /g            | TCVN 9049:2012 (AOAC 977.26) | KPH              |
| 6  | Hàm lượng Protein tổng số(*)                  | %             | HPP/66                       | 0,4              |
| 7  | Hàm lượng đường tổng số                       | %             | HPP/70                       | 18,9             |
| 8  | Hàm lượng Carbohydrat(*)                      | %             | HPP/70                       | 19,1             |
| 9  | Hàm lượng chất khô                            | %             | HPP/03                       | 20,66            |
| 10 | Hàm lượng Lipid(*)                            | %             | HPP/67                       | 0                |

1. Các kết quả kiểm nghiệm ở trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử ghi trên phiếu này.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.

3. Chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (<sup>e</sup>) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

5. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.



|    |                       |           |                 |                           |
|----|-----------------------|-----------|-----------------|---------------------------|
| 11 | Năng lượng tổng số(*) | kcal/100g | HPP/04          | 78,0                      |
| 12 | Natri (Na) (°)        | mg/kg     | TCVN 10916:2015 | 86,5                      |
| 13 | Chì (Pb) (°)          | mg/kg     | TCVN 8126:2009  | <b>KPH</b><br>LOD = 0,025 |

**Ghi chú :** - **KPH:** Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)  
- **LOD:** Limit of detection : giới hạn phát hiện



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. ĐINH THỊ DIỆU HÀNG

Hải Dương, ngày 25 tháng 11 năm 2021

Labo XNATVSTP

TS. Đặng Thị Thùy Dương

1. Các kết quả kiểm nghiệm ở trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử ghi trên phiếu này.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (°) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
5. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.